

GỢI Ý TRẢ LỜI PHẦN THI TRẮC NGHIỆM KIẾN THỨC CUỘC THI TRỰC TUYẾN TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ” NĂM 2023

(DÀNH CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA CUỘC THI)

Câu 1. Có những cách thức nào để nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính?

Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP quy định về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân quy định:

“Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua các cách thức theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hành chính gồm:

- 1. Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;*
- 2. Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;*
- 3. Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.”*

Câu 2. Có thể lấy Thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã ở đâu?

Có thể lấy trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tại Trang dịch vụ công của tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.thainguyen.gov.vn>; tại trang tin điện tử của xã Bình Thành, địa chỉ: <http://binhthanh.thainguyen.gov.vn>, vào phần thủ tục hành chính và thực hiện tra cứu theo lĩnh vực, thủ tục cần tìm hiểu; hoặc Đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã để tra cứu tại bảng niêm yết của từng thủ tục thuộc lĩnh vực giải quyết của UBND cấp xã.

Câu 3. Tại Kế hoạch số 105/KH-UBND, ngày 16/06/2023 của UBND xã Bình Thành về Nâng cao chất lượng hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn xã Bình Thành năm 2023 thì bộ phận Văn hoá –xã hội phải tham mưu, hướng dẫn và đôn đốc tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện những nội dung gì?

Tại mục 1 phần IV của Kế hoạch số 105/KH-UBND, ngày 16/06/2023 của UBND xã Bình Thành về Nâng cao chất lượng hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn xã Bình Thành năm 2023 thì bộ phận Văn hoá – xã hội phải tham mưu, hướng dẫn và đôn đốc tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện những nội dung sau: *“Tham mưu cho UBND xã giao nhiệm vụ cho Tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó thành viên tổ công nghệ số đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn, hỗ trợ từng người dân tự sử dụng DVCTT để đảm bảo mỗi hộ gia đình có ít nhất 01 người biết cách sử dụng tài khoản VNeID, đăng nhập và sử dụng DVCTT trên các Cổng dịch vụ công.”*

Câu 4. Theo quy định của Luật cán bộ, công chức, quy định của cán bộ, công chức về văn hóa giao tiếp với nhân dân là gì?

Điều 17, Luật Cán bộ, công chức quy định:

“ Văn hóa giao tiếp với nhân dân:

1. Cán bộ, công chức phải gần gũi với nhân dân; có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.

2. Cán bộ, công chức không được hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân khi thi hành công vụ.”

Câu 5. Thủ tục hành chính liên thông lĩnh vực đất đai là thủ tục nào:

Căn cứ Quyết định số 3679/QĐ-UBND, ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực đất đai năm 2021 thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên: Thủ tục hành chính liên thông lĩnh vực đất đai là *Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.*

Câu 6. Thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai cấp xã là thủ tục nào, người dân nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai tại đâu:

Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND xã được quy định tại Điều 202 Luật Đất đai 2013 và được cụ thể hóa tại Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đất đai:

“Điều 88. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai

1. Khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) Thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất;

b) Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

c) Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành.

2. Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận.

Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành.

4. Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định tại Khoản 5 Điều 202 của Luật Đất đai .

Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.”

Câu 7. Theo điểm a khoản 6 Điều 5 Nghị định 90/2017/NĐ-CP thì hành vi vận chuyển hoặc vớt gia súc, gia cầm mắc bệnh, chết và sản phẩm của chúng ra môi trường bị xử phạt như thế nào:

Theo điểm a khoản 6 Điều 5 Nghị định 90/2017/NĐ-CP thì:

“Điều 5. Vi phạm quy định chung về phòng bệnh động vật

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi không chấp hành lấy mẫu để kiểm tra, xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thuốc thú y không theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

b) Không báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc nhân viên thú y cấp xã khi phát hiện thuốc thú y gây hại cho động vật, môi trường và con người.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi gần nhất hoặc nhân viên thú y cấp xã khi phát hiện và biết động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, chết do bệnh truyền nhiễm.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y kết quả xét nghiệm xác định động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch và Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người.

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vận chuyển hoặc vứt gia súc, gia cầm mắc bệnh, chết và sản phẩm của chúng ra môi trường;

b) Buôn bán con giống mắc bệnh truyền nhiễm.

7. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây để phòng bệnh động vật:

a) Sử dụng thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Sử dụng thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ, hết hạn sử dụng;

c) Sử dụng nguyên liệu thuốc thú y;

d) Sử dụng nguyên liệu thuốc y tế hoặc thuốc y tế.

8. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thuốc thú y trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam để phòng bệnh cho động vật.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, xác động vật và sản phẩm của chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc y tế, thuốc y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này.”

Câu 8: Để thực hiện Thủ tục hành chính đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung thì người chăn nuôi phải làm gì và thời gian thực hiện gửi bản đăng ký kê khai là khi nào kể từ khi bắt đầu chăn nuôi?

Theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 02/2017/NĐ-Cp ngày 09/01/2017 của chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng

bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh quy định: “2. Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này) hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có). Các hộ chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi; trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được bản kê khai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận vào kê khai. Các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai và được xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng.”

Theo đó, quy trình thực hiện thủ tục hành chính đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung có nội dung như sau:

- Cơ quan thực hiện: UBND xã.

- Người chăn nuôi phải kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu (theo mẫu số 06) nộp về cơ quan tiếp nhận và trả kết quả bộ phận một cửa cấp xã.

- Cách thức thực hiện: Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp. (hoặc) Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thời hạn giải quyết:

Bước 1: Các hộ chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi gửi bản đăng ký kê khai đến UBND cấp xã. Các hộ nuôi trồng thủy sản kê khai khi thực hiện nuôi trồng thủy sản và gửi đăng ký kê khai đến bộ phận một cửa UBND cấp xã

Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai, UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kê khai đối với hộ chăn nuôi tập trung. Đối với các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai, UBND xã xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân chăn nuôi.

- Kết quả thực hiện: Lệ phí không thu, Phí không thu.

Câu 9 . Theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội là bao nhiêu?

Theo quy định tại khoản Điều 4 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được quy định như sau:

“ Điều 4. Mức chuẩn trợ giúp xã hội

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là căn cứ xác định mức trợ cấp xã hội, mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội và các mức trợ giúp xã hội khác.

2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 là 360.000 đồng/tháng.

Tùy theo khả năng cân đối của ngân sách, tốc độ tăng giá tiêu dùng và tình hình đời sống của đối tượng bảo trợ xã hội, cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho phù hợp; bảo đảm tương quan chính sách đối với các đối tượng khác.

3. Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;

b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội.”

Câu 10: Nguyên tắc xét tặng danh hiệu “gia đình văn hóa”; “khu dân cư văn hóa” gồm những nguyên tắc nào?

Theo tại Điều 3, Chương I, Nghị định 122/2018/NĐ, ngày 17/9/2018 của Chính phủ về Quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”; “Thôn văn hoá”; “Làng văn hoá”; “Ấp văn hoá”; “Bản văn hoá”; “Tổ dân phố văn hoá” quy định:

“Điều 3. Nguyên tắc xét tặng

1. Bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác và công khai.

2. Được thực hiện trên cơ sở tự nguyện.

3. Thực hiện việc xét tặng khi hộ gia đình, khu dân cư có đăng ký tham gia thi đua hàng năm.”

Câu 11: Hồ sơ xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm gồm những hồ sơ nào sau đây?

Theo tại Điều 10, Mục 2, Chương II, Nghị định 122/2018/NĐ, ngày 17/9/2018 của Chính phủ về Quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”; “Thôn văn hoá”; “Làng văn hoá”; “Ấp văn hoá”; “Bản văn hoá”; “Tổ dân phố văn hoá” quy định:

“Điều 10. Hồ sơ đề nghị tặng Giấy khen Gia đình văn hóa

- 1. Văn bản đề nghị tặng Giấy khen Gia đình văn hóa của Trưởng Khu dân cư (kèm theo danh sách hộ gia đình đủ tiêu chuẩn).*
- 2. Bản sao Quyết định công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa của các hộ gia đình trong 03 năm liên tục.*
- 3. Biên bản họp xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa (Mẫu số 08). ”*

Câu 12: Địa chỉ truy cập vào trang thông tin điện tử xã Bình Thành là?

Địa chỉ truy cập vào trang thông tin điện tử xã Bình Thành là <http://binhthanh.dinhhoa.thainguyen.gov.vn/>. Sau khi truy cập và địa chỉ trang thông tin điện tử xã Bình Thành các tổ chức và cá nhân sẽ được cung cấp thông tin về đặc điểm, tình hình của cơ quan, địa phương, các tin tức hoạt động, sự kiện của địa phương, xem các nội dung văn bản pháp quy mà UBND xã đã ban hành và các thông tin liên quan đến Thủ tục hành chính bằng đường liên kết với công dịch vụ công Quốc gia.

Câu 13. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định độ tuổi kết hôn của nam, nữ là?

Theo Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện như sau:

- “- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;*
- Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;*
- Không bị mất năng lực hành vi dân sự;*
- Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn sau đây:*
 - + Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo;*
 - + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;*

+ Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;

+ Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;

- Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.”

Câu 14. Thời hạn đăng ký khai tử là:

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hộ tịch 2014 như sau:

“Thời hạn và trách nhiệm đăng ký khai tử

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có người chết thì vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết có trách nhiệm đi đăng ký khai tử; trường hợp người chết không có người thân thích thì đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm đi khai tử.

2. Công chức tư pháp - hộ tịch thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc khai tử cho người chết; trường hợp không xác định được người có trách nhiệm đi khai tử thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện đăng ký khai tử.”

Câu 15. Thời hạn đăng ký khai sinh cho con là bao lâu?

Tại điều 15 - Luật Hộ tịch quy định:

“Điều 15. Trách nhiệm đăng ký khai sinh

1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em.

2. Công chức tư pháp - hộ tịch thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc đăng ký khai sinh cho trẻ em trên địa bàn trong thời hạn quy định; trường hợp cần thiết thì thực hiện đăng ký khai sinh lưu động.”

Câu 16. Để nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, công dân phải sử dụng tài khoản nào dưới đây?

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định:

“Điều 7. Đăng ký tài khoản

1. Việc đăng ký tài khoản thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện tại Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hoặc sử dụng danh tính điện tử do các tổ chức cung cấp định danh điện tử đã kết nối, tích hợp với Nền tảng trao đổi định danh điện tử trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử chỉ được thực hiện khi hồ sơ được gửi từ tài khoản đã đăng ký.”

Câu 17: Ngày 22/8/2022, Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ban hành Công văn số 5672/C06-TTDLDC về triển khai thi hành Luật Cư trú 2020. Theo Công văn trên, có mấy phương thức sử dụng thông tin công dân thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú?

Theo Công văn số 5672/C06-TTDLDC, ngày 22/8/2022 của Trung tâm Dữ liệu dân cư về triển khai thi hành Luật Cư trú 2020, có 7 phương thức sử dụng thông tin công dân thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, gồm:

“1. Người dân sử dụng CCCD gắn chip. Đây là giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú. Điều 3, Điều 18 và Điều 20 Luật Căn cước công dân năm 2014 quy định khi công dân xuất trình CCCD, thì cơ quan, chức, cá nhân có thẩm quyền không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin về căn cước công dân.

2. Công dân, cơ quan, tổ chức dùng thiết bị đọc mã QR trên CCCD gắn Thiết bị được tích hợp với máy tính hoặc thiết bị di động để đọc các thông tin gồm: Số CCCD; số CMND 9 số; họ và tên; ngày sinh; giới tính; nơi thường trú; ngày cấp CCCD.

3. Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc thông tin trong chip trên CCCD phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, giao dịch dân sự... Các thông tin gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quê quán; nơi thường trú; số chứng minh đã được cấp; ảnh chân dung; vân tay;...

4. Người dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú.

5. Cá nhân sử dụng ứng dụng VNeID hiển thị các thông tin trên thiết bị điện tử để phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự.

6. Công dân sử dụng giấy xác nhận thông tin về cư trú được ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an.

7. Sử dụng Thông báo số định danh cá nhân do Công an xã cấp.”

Câu 18. Theo Luật Cư trú năm 2020, số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020 Quy định thời gian công dân đến sinh sống tại chỗ ở hợp pháp ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi đã ĐKTT để lao động, học tập hoặc vì mục đích khác từ bao nhiêu ngày trở lên thì phải thực hiện đăng ký tạm trú:

Tại khoản 1, Điều 27 Luật cư trú 2020 quy định:

“Điều 27. Điều kiện đăng ký tạm trú

1. Công dân đến sinh sống tại chỗ ở hợp pháp ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi đã đăng ký thường trú để lao động, học tập hoặc vì mục đích khác từ 30 ngày trở lên thì phải thực hiện đăng ký tạm trú.

2. Thời hạn tạm trú tối đa là 02 năm và có thể tiếp tục gia hạn nhiều lần

3. Công dân không được đăng ký tạm trú mới tại chỗ ở quy định tại Điều 23 của Luật này.”

Câu 19. Tài khoản định danh điện tử (VneID) có những lợi ích, tiện ích gì?

Tài khoản định danh điện tử (VneID) có các lợi ích, tiện ích cơ bản sau đây:

1. Người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử sẽ có những lợi ích như tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí vì không phải kê khai nhiều loại biểu mẫu, giảm nhiều khâu thủ tục khi thực hiện các giao dịch hành chính công.

2. Công dân có thể thay thế CCCD và các loại giấy tờ mà họ đăng ký tích hợp hiển thị trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia như: giấy phép lái xe, đăng ký xe, bảo hiểm y tế... Như vậy, khi người dân giao dịch hành chính sẽ giảm tối đa các giấy tờ phải mang theo.

3. Công dân có thể sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện các giao dịch tài chính như thanh toán hóa đơn điện và nước, đóng bảo hiểm xã hội và bảo

hiểm y tế, chuyển tiền... Khi sử dụng tài khoản này, người dân sẽ được bảo mật thông tin, tránh bị giả mạo, giúp các giao dịch được an toàn.

Câu 20: Khoản 1, Điều 21, Luật Căn cước công dân năm 2014 Quy định độ tuổi đổi thẻ Căn cước công dân là bao nhiêu:

Tại Khoản 1, Điều 21 Luật Căn cước Công dân năm 2014 quy định:

“Điều 21. Độ tuổi đổi thẻ Căn cước công dân

1. Thẻ Căn cước công dân phải được đổi khi công dân đủ 25 tuổi, đủ 40 tuổi và đủ 60 tuổi.

2. Trường hợp thẻ Căn cước công dân được cấp, đổi, cấp lại trong thời hạn 2 năm trước tuổi quy định tại khoản 1 Điều này thì vẫn có giá trị sử dụng đến tuổi đổi thẻ tiếp theo.”